

# **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH**

*Báo cáo của Hội đồng Quản trị*

*Báo cáo tài chính đã kiểm toán*

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012*

## MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	1 – 3
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
3. Bảng cân đối kế toán	6 - 7
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
6. Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 25

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

---

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đồng Xanh (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012.

### 1. Thành viên của Hội đồng Quản trị

Các thành viên Hội đồng Quản trị Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Văn Nùng	Chủ tịch HĐQT
Ông Lê Văn Sửu	Thành viên HĐQT
Ông Phạm Bạch Vân	Thành viên HĐQT
Ông Trần Công Dũng	Thành viên HĐQT
Ông Phan Văn Sang	Thành viên HĐQT

### 2. Thành viên của Ban Giám đốc

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đến ngày lập báo cáo tài chính này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Văn Sửu	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Bạch Vân	Phó Tổng Giám đốc

### 3. Trụ sở hoạt động: Lô G3-1 + G4 + MB1-4, Khu Công nghiệp Đức Hòa 1 – Hạnh Phúc, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

### 4. Các hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012 chủ yếu là:

- Sản xuất, gia công, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật, phân bón lá, nhang trừ muỗi;
- Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, phân bón lá, nhang trừ muỗi;
- Kinh doanh phân bón các loại.

### 5. Kết quả của năm tài chính

Tình hình tài chính của Công ty vào ngày 30/9/2012 và kết quả hoạt động kinh doanh cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ từ ngày 01/10/2011 đến ngày 30/9/2012 được trình bày từ trang 06 đến trang 25.

### 6. Tài sản lưu động

Vào ngày lập báo cáo này, Công ty nhận thấy rằng không có bất cứ trường hợp nào có thể làm cho sai lệch các giá trị về tài sản lưu động được nêu trong báo cáo tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

---

### 7. Các khoản nợ bất ngờ

Vào ngày lập báo cáo này không có bất cứ một khoản nợ bất ngờ nào phát sinh đối với tài sản của Công ty từ khi kết thúc năm tài chính.

### 8. Các khoản mục bất thường

Không có những điều bất thường nào có thể làm sai lệch bất kỳ số liệu nào được nêu trong báo cáo tài chính.

### 9. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm Toán DFK Việt Nam được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012.

### 10. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với các báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động của Công ty trong năm đó. Trong quá trình chuẩn bị các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng họ đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012. Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

### 11. Phê duyệt của Hội đồng Quản trị

Công ty cam kết không có bất kỳ các thỏa thuận ràng buộc nào khác với các đối tác của Công ty ngoài các bên và số liệu đã được thể hiện trong báo cáo tài chính này.

Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cùng với bảng thuyết minh đính kèm đã được soạn thảo thể hiện trung thực và hợp lý về tình hình hoạt động của Công ty cho năm tài kết thúc ngày 30/9/2012.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

---

Vào ngày lập báo cáo này có đủ những chứng cứ hợp lý để tin rằng Công ty có khả năng chi trả các khoản nợ khi đáo hạn.

**Thay mặt Hội đồng Quản trị**

---

**Phạm Văn Nùng**  
**Chủ tịch Hội đồng Quản trị**  
Ngày 15 tháng 12 năm 2012

# BÁO CÁO KIỂM TOÁN

*về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012  
của Công ty Cổ phần Đồng Xanh*

**Kính gửi: CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Đồng Xanh sau đây gọi tắt là “Công ty”) bao gồm Bảng cân đối kế toán ngày 30/9/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012, được lập ngày 15 tháng 12 năm 2012, từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Ý kiến của kiểm toán viên:**

Tại mục số 9 – trang 20 – phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tổng giá trị các khoản đầu tư vào các công ty chưa niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán là 38.935.639.000 đồng, Công ty không xác định được mức độ giảm giá trị của các cổ phiếu này tại thời điểm lập báo cáo tài chính nên tạm ghi nhận dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán theo giá tham khảo của năm trước (30/9/2011). Bên cạnh đó, chúng

tôi cũng không thể thu thập được một cách đầy đủ các chứng cứ thích hợp để làm cơ sở cho việc xác định một cách đáng tin cậy giá trị các khoản đầu tư này tại thời điểm 30/9/2012.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng như đã nêu trên, các Báo cáo tài chính đính kèm theo bản báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đồng Xanh tại ngày 30/9/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

---

**Hồ Đắc Hiếu**

**Phó Giám đốc**

Chứng chỉ KTV số: 0458/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 12 năm 2012

---

**Phan Đức Danh**

**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ KTV số: 2080/KTV

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/9/2012	01/10/2011
<b>A. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>196,553,394,624</b>	<b>197,051,378,519</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	V.01	<b>53,468,298,920</b>	<b>30,183,788,502</b>
1. Tiền	111		53,468,298,920	30,183,788,502
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>	V.02	<b>4,000,000,000</b>	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		4,000,000,000	-
<i>III. Các khoản phải thu</i>	<b>130</b>	V.03	<b>51,670,497,702</b>	<b>71,434,922,958</b>
1. Phải thu khách hàng	131		51,771,212,023	69,952,599,468
2. Trả trước cho người bán	132		734,868,995	1,113,647,889
3. Các khoản phải thu khác	135		137,479,307	1,045,136,999
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(973,062,623)	(676,461,398)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>	V.04	<b>86,779,471,321</b>	<b>95,187,377,676</b>
1. Hàng tồn kho	141		86,779,471,321	95,187,377,676
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>	V.05	<b>635,126,681</b>	<b>245,289,383</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		15,464,000	55,483,693
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,694,481	375,727
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		-	21,812,397
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		617,968,200	167,617,566
<b>B. Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>53,918,522,694</b>	<b>49,543,707,193</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		-	-
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>23,186,293,565</b>	<b>19,380,402,299</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	12,616,711,247	12,847,710,594
- Nguyên giá	222		18,130,396,575	16,949,275,629
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5,513,685,328)	(4,101,565,035)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	10,036,205,198	6,017,170,915
- Nguyên giá	228		11,078,642,480	6,866,456,500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1,042,437,282)	(849,285,585)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	533,377,120	515,520,790
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>240</b>		-	-
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>	V.09	<b>30,568,402,667</b>	<b>26,604,394,509</b>
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		24,500,000,000	21,669,230,842
2. Đầu tư dài hạn khác	258		14,435,639,000	13,302,400,000
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		(8,367,236,333)	(8,367,236,333)
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>		<b>163,826,462</b>	<b>3,558,910,385</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10	163,826,462	3,558,910,385
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>250,471,917,318</b>	<b>246,595,085,712</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 9 năm 2012

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã	minh	30/9/2012	01/10/2011
<b>A. Nợ phải trả</b>	<b>300</b>		<b>30,886,285,272</b>	<b>28,373,045,428</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>30,886,285,272</b>	<b>28,373,045,428</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	12,077,755,884
2. Phải trả người bán	312	V.11	7,299,271,781	5,602,039,509
3. Người mua trả tiền trước	313	V.11	1,027,297,572	389,627,743
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.12	3,832,879,192	4,305,294,921
5. Phải trả người lao động	315		448,839,041	848,296,959
6. Chi phí phải trả	316	V.13	13,728,616,739	-
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		27,003,222	25,830,782
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4,522,377,725	5,124,199,630
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>B. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>400</b>	V.14	<b>219,585,632,046</b>	<b>218,222,040,284</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>219,585,632,046</b>	<b>218,222,040,284</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100,000,000,000	100,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		6,000,000,000	6,000,000,000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(1,832,500,000)	(1,002,500,000)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	86,543,352
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		60,763,739,099	47,587,578,864
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		21,441,283,248	21,441,283,248
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		19,946,917,474	19,597,224,633
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		13,266,192,225	24,511,910,187
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>250,471,917,318</b>	<b>246,595,085,712</b>

### CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/9/2012	01/10/2011
1. Tài sản thuê ngoài		
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		
4. Nợ khó đòi đã xử lý	55,261	55,261
5. Ngoại tệ các loại (USD)	43,434.75	165,864.38
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/10/2011 đến 30/9/2012
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	1		<b>338,347,172,663</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		631,254,353
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	10	VI.14	<b>337,715,918,310</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.15	247,574,191,971
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	20		<b>90,141,726,339</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.16	603,834,649
7. Chi phí tài chính	22	VI.17	3,577,960,036
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2,606,584,084
8. Chi phí bán hàng	24	VI.18	31,468,326,353
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.19	6,796,501,007
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	30		<b>48,902,773,591</b>
11. Thu nhập khác	31	VI.20	418,050,733
12. Chi phí khác	32		885,152
<b>13. Lợi nhuận khác</b>	40		<b>417,165,581</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>49,319,939,172</b>
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.22	3,550,655,055
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>45,769,284,117</b>
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	VI.23	<b>4,645</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

\_\_\_\_\_  
 Người lập biểu

\_\_\_\_\_  
 Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 15 tháng 12 năm 2012

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/10/2011 đến 30/9/2012
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>49,319,939,172</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>		
Khấu hao tài sản cố định	02	1,605,271,990
Các khoản dự phòng	03	296,601,225
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(3,256,302)
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(485,369,594)
Chi phí lãi vay	06	2,606,584,084
<b>Lợi nhuận trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>53,339,770,575</b>
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	18,870,349,474
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	8,407,906,355
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	12,844,948,859
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	3,435,103,616
Tiền lãi vay đã trả	13	(2,606,584,084)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(2,872,832,189)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	167,617,566
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>91,499,736,820</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(5,411,163,256)
Tiền thu từ thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	42,472,727
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(7,964,008,158)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	442,896,867
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(12,889,801,820)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
Tiền chi trả vốn góp, mua lại cổ phiếu	32	(830,000,000)
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	103,149,971,523
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(115,227,727,407)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(42,420,925,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(55,328,680,884)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>23,281,254,116</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	30,183,788,502
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	3,256,302
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>53,468,298,920</b>

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2012

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012

(Đơn vị tính bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Bảng thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với các báo cáo tài chính được đính kèm.

### I. Đặc điểm hoạt động doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đồng Xanh (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5003000077 ngày 18 tháng 11 năm 2004 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 10 ngày 07 tháng 5 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Long An cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là:

100.000.000.000 đồng

Tên thành viên	Giá trị vốn góp theo đăng ký	Vốn góp thực tế đến 30/9/2012
Ông Phạm Văn Nùng	16.050.100.000	16.050.100.000
Ông Lê Văn Sửu	6.517.500.000	6.517.500.000
Ông Phạm Bạch Vân	6.105.000.000	6.105.000.000
Và Các cổ đông cá nhân khác	71.327.400.000	71.327.400.000
<b>Cộng</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>

Trụ sở hoạt động: Lô G3-1 + G4 + MB1-4, Khu Công nghiệp Đức Hòa 1 – Hạnh Phúc, xã Đức Hòa Đông, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Tổng số công nhân viên Công ty: 135 người.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh:

- Sản xuất, gia công, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật, phân bón lá, nhang trừ muỗi;
- Kinh doanh thuốc bảo vệ thực vật, phân bón lá, nhang trừ muỗi;
- Kinh doanh hạt giống, lương thực, thực phẩm, máy móc thiết bị;
- Giao nhận, vận tải bằng đường bộ;
- Cho thuê kho bãi;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất hạt giống, lương thực, thực phẩm, máy móc thiết bị;
- Mua bán, gia công, chế biến hạt điều xuất khẩu;
- Kinh doanh phân bón các loại.

### II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/10, kết thúc ngày 30/9 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### III. Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được Bộ Tài Chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư bổ sung số 244/TT-BTC ngày 31/12/2009.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012*

*(Đơn vị tính bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

Các Báo cáo tài chính đính kèm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

#### **IV. Các chính sách kế toán áp dụng**

##### **1. Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính (kỳ hoạt động). Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

##### **3. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán**

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác được Công ty áp dụng theo Chuẩn mực kế toán số 10. Theo đó, Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ do Công ty sử dụng được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, các khoản mục tài sản và công nợ mang tính chất tiền tệ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá quy định vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Bên cạnh đó, theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính, thì:

- Đối với việc thanh toán các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm tài chính thì thực hiện theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp có giao dịch phát sinh theo quy định của pháp luật.

- Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

Năm 2011, Ban Giám đốc Công ty đã chọn cách ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại theo hướng dẫn trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 của Bộ Tài Chính. Tuy nhiên, cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012, Ban Giám đốc chọn cách ghi nhận theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012. Việc thay đổi này không ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh và các số liệu so sánh.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012*

*(Đơn vị tính bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

#### 5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

#### 6. Ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

##### *Tài sản cố định*

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

##### *Khấu hao tài sản cố định*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao phù hợp Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012*

*(Đơn vị tính bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

<b>Nhóm tài sản</b>	<b>Thời gian khấu hao</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 – 10 năm
Phương tiện vận tải	10 năm
Quyền sử dụng đất	theo thời hạn thuê

### **7. Chi phí lãi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh, trừ trường hợp chúng được vốn hóa theo quy định.

Lãi tiền vay của các khoản vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng tài sản cố định trong giai đoạn trước khi hoàn thành đưa vào sử dụng sẽ được cộng vào nguyên giá tài sản.

Lãi tiền vay của các khoản vay khác được ghi nhận là chi phí hoạt động tài chính ngay khi phát sinh.

### **8. Ghi nhận doanh thu và chi phí**

Khi bán thành phẩm, hàng hóa doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc hàng bán bị trả lại.

#### ***Chi phí***

Chi phí được ghi nhận khi thực tế phát sinh và tương xứng với doanh thu.

### **9. Thuế**

Căn cứ Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết về thuế thu nhập doanh nghiệp (gọi tắt là “TNDN”) hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN như sau:

- Đối với hoạt động gia công, sản xuất: hưởng thuế suất thuế TNDN là 15% trong 12 năm, miễn thuế TNDN 03 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% số thuế TNDN của 07 năm tiếp theo;
- Đối với hoạt động kinh doanh dịch vụ: hưởng thuế suất thuế TNDN là 20% trong 10 năm, miễn thuế TNDN 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% số thuế TNDN của 06 năm tiếp theo.

Năm tài chính kết thúc vào ngày 30/9/2012 là năm thứ bảy Công ty có thu nhập chịu thuế.

Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong năm và điều chỉnh cho các khoản chi phí không được khấu trừ và các khoản lỗ do các năm trước mang sang, nếu có.

Khoản sai biệt giữa thuế phải trả theo sổ sách kế toán của Công ty và số liệu do quyết toán thuế của cơ quan thuế sẽ được điều chỉnh khi phát sinh.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012*

*(Đơn vị tính bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

Ngoài thuế TNDN, Công ty có nghĩa vụ nộp các khoản thuế khác theo các quy định về thuế hiện hành.

### ***Thuế hiện hành***

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

## **10. Lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp**

Tiền lương được tính toán và trích lập đưa vào chi phí trong kỳ dựa theo hợp đồng lao động. Theo đó, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cũng được trích lập với tỷ lệ lần lượt là 24%; 4,5% và 2% tương ứng tiền lương cơ bản của người lao động. Tỷ lệ 21% sẽ được đưa vào chi phí bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp trong kỳ; và 9,5% sẽ được trích từ lương cơ bản của người lao động.

## **11. Đầu tư tài chính**

### ***Đầu tư vào các công ty liên kết***

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

### ***Các khoản đầu tư chứng khoán***

Tất cả các khoản đầu tư vào chứng khoán đều được ghi nhận theo giá vốn, tức giá mua hợp lý của khoản đầu tư, kể cả các chi phí liên quan đến khoản đầu tư đó. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### ***Dự phòng các khoản đầu tư***

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào tổ chức kinh tế được lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ vốn góp của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết trên thị trường chứng khoán khi giá trị thị trường thấp hơn giá trị sổ sách. Các chứng khoán không niêm yết: nếu có cơ sở thu thập, dự phòng giảm giá chứng khoán sẽ được trích lập vào chi phí trong kỳ; nếu không có cơ sở để xác định một cách đáng tin cậy giá trị hợp lý của chúng, sẽ được ghi nhận theo giá mua ban đầu.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012*

*(Đơn vị tính bằng đồng Việt Nam, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

---

### **12. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã thanh toán hoặc nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **13. Nguyên tắc ghi nhận vốn và trích lập các quỹ**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp ban đầu của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Nguyên tắc trích lập các quỹ: Theo Điều lệ của Công ty và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông.

### **14. Các khoản dự phòng phải trả**

Các khoản dự phòng nợ phải trả được ghi nhận khi đã xác định chắc chắn nghĩa vụ nợ phải trả vào ngày kết thúc năm tài chính.

Dự phòng phải trả được ghi nhận theo phương pháp lập thêm hoặc hoàn nhập theo số chênh lệch giữa số dự phòng phải trả phải lập năm nay so với số dự phòng phải trả đã lập năm trước.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

### V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	30/9/2012	01/10/2011
Tiền mặt	44,383,810,115	25,402,148,585
Tiền gửi ngân hàng (*)	5,207,569,130	4,531,639,917
Tiền đang chuyển	3,876,919,675	250,000,000
<b>Cộng</b>	<b>53,468,298,920</b>	<b>30,183,788,502</b>

**(\*) Bao gồm:**

Tiền gửi ngân hàng bằng VND	4,302,913,223
Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ (43,434.75 USD)	904,655,907
<b>Cộng</b>	<b>5,207,569,130</b>

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30/9/2012	01/10/2011
Cho vay ngắn hạn	4,000,000,000	-
<b>Cộng</b>	<b>4,000,000,000</b>	<b>-</b>

Khoản cho vay đến Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hải Hằng với thời hạn cho vay là 07 tháng, lãi suất cho vay là 1%/tháng. Lãi vay được thanh toán hàng tháng. Tài sản nhận đảm bảo cho khoản vay này 08 Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của Bà Trần Thụy Mỹ Hằng (Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hải Hằng) và Ông Lê Đình Hải.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn	30/9/2012	01/10/2011
Phải thu khách hàng	51,771,212,023	69,952,599,468
Trả trước cho người bán	734,868,995	1,113,647,889
Phải thu khác (3.1)	137,479,307	1,045,136,999
<b>Cộng</b>	<b>52,643,560,325</b>	<b>72,111,384,356</b>
Dự phòng phải thu khó đòi (3.2)	(973,062,623)	(676,461,398)
<b>Giá trị thuần các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>51,670,497,702</b>	<b>71,434,922,958</b>

**(3.1) Bao gồm:**

- Khoản thuế GTGT hàng nhập khẩu được khấu trừ của tháng 9 chưa kê khai	80,812,640
- Phải thu về khoản lãi cho vay đến Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Hải Hằng	56,666,667
<b>Cộng</b>	<b>137,479,307</b>

(3.2): Chi tiết khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi:	Số dư phải thu	Số dư dự phòng
- Công ty TNHH Đồng Xanh Đăklăk (50%)	1,946,125,247	(973,062,623)

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

4. Hàng tồn kho	30/9/2012	01/10/2011
Nguyên vật liệu	50,429,803,232	56,637,242,083
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	359,007,362	123,919,717
Thành phẩm	30,054,929,855	21,926,786,618
Hàng hoá	5,415,200,048	16,475,012,771
Hàng gửi bán	520,530,824	24,416,487
<b>Cộng</b>	<b>86,779,471,321</b>	<b>95,187,377,676</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>86,779,471,321</b>	<b>95,187,377,676</b>

5. Tài sản ngắn hạn khác	30/9/2012	01/10/2011
Chi phí trả trước ngắn hạn (*)	15,464,000	55,483,693
Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ	1,694,481	375,727
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	-	21,812,397
Tạm ứng đến nhân viên	617,968,200	167,617,566
<b>Cộng</b>	<b>635,126,681</b>	<b>245,289,383</b>

(\*) Khoản tiền thuê đất chờ phân bổ.

6. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu kỳ	8,580,623,675	4,074,160,898	4,294,491,056	16,949,275,629
Tăng do mua mới	345,759,091	480,816,400	354,545,455	1,181,120,946
Giảm	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>8,926,382,766</b>	<b>4,554,977,298</b>	<b>4,649,036,511</b>	<b>18,130,396,575</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu kỳ	1,473,564,269	1,546,817,427	1,081,183,339	4,101,565,035
Tăng	366,508,748	610,234,409	435,377,136	1,412,120,293
Giảm	-	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1,840,073,017</b>	<b>2,157,051,836</b>	<b>1,516,560,475</b>	<b>5,513,685,328</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu kỳ	7,107,059,406	2,527,343,471	3,213,307,717	12,847,710,594
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>7,086,309,749</b>	<b>2,397,925,462</b>	<b>3,132,476,036</b>	<b>12,616,711,247</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

7. Tài sản cố định vô hình	Quyền sử dụng đất
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	6,866,456,500
Tăng	4,212,185,980
Giảm	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>11,078,642,480</b>
<b>Hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	849,285,585
Tăng	193,151,697
Giảm	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1,042,437,282</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	6,017,170,915
Số dư cuối kỳ	<b>10,036,205,198</b>

Tài sản cố định vô hình tăng trong kỳ do phân loại lại từ khoản mục chi phí trả trước dài hạn.

**Nguyên giá quyền sử dụng đất cuối năm bao gồm:**

a. Quyền sử dụng đất có thời hạn đến hết ngày 31/10/2049 với diện tích 4.500m<sup>2</sup> tại Thửa đất số 146 (Lô G3.1 + G4) thuộc tờ khai bản đồ số 30 đặt tại xã Đức Hòa Đông, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số T01250 ngày 24/11/2006.

- Bên cho thuê: Công ty Liên Doanh Khai thác Hạnh Phúc theo hợp đồng thuê đất số 16-03/HĐ-HP ngày 16/3/2005;

- Thời gian thuê: từ 16/3/2005 đến 31/10/2049;

- Tổng cộng tiền thuê: 45,000 USD;

- Tiền thuê đã trả đến 30/9/2012 là **714.397.500 đồng (A)** tương đương 45,000 USD;

- Thời gian trích khấu hao: bắt đầu từ tháng 07 năm 2006 đến tháng 10 năm 2049 (520 tháng).

b. Quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 15/9/2058 với diện tích 2.552 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 260 và số 261 thuộc tờ khai bản đồ số 22 đặt tại Phường 3, Thành phố Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số CT00542 ngày 15/12/2010 (cấp thay đổi GCN Quyền sử dụng đất số 00843 ngày 13/01/2000).

- Bên chuyển nhượng: Ông Thái Thành Huôi và Bà Huỳnh Thùy Trang theo hợp đồng chuyển nhượng đất số 07 ngày 13/11/2006;

- Thời gian sử dụng: từ ngày 24/11/2006 đến hết ngày 15/9/2058;

- Tổng cộng tiền chuyển nhượng: 4.620.000.000 đồng

- Tiền chuyển nhượng đã trả đến 30/9/2012 là : **4.620.000.000 đồng (B)**;

- Thời gian trích khấu hao: bắt đầu từ tháng 01/2007 đến ngày 15/9/2058 (620 tháng);

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Vào ngày 27/12/2009, Công ty đã nộp tiền lệ phí trước bạ và tiền sử dụng đất tại thửa đất nêu trên với tổng số tiền là **768.859.000 đồng (C)** theo thông báo của Chi cục Thuế Tp Đà Lạt. Khoản chi phí này được phân bổ từ tháng 01/2010 đến ngày 15/9/2058.

c. Quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 29/10/2023 với diện tích 740m<sup>2</sup> tại thửa đất số 985 thuộc tờ khai bản đồ số 3 đặt tại ấp Long Thuận A, Xã Long Phước, Huyện Long Hồ, Tỉnh Vĩnh Long theo phần nội dung thay đổi của Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số Y850262 ngày 30/12/2008;

- Bên chuyển nhượng: Bà Thái Thị Điện theo hợp đồng chuyển nhượng đất số 3623 ngày 30/12/2008;

- Thời gian sử dụng: từ ngày 05/02/2009 đến hết ngày 29/10/2023;

- Tổng cộng tiền chuyển nhượng: 763.200.000 đồng

- Tiền chuyển nhượng đã trả đến 30/9/2011 là **:763.200.000 đồng (D)**;

- Thời gian trích khấu hao: bắt đầu từ tháng 02/2009 tháng 10/2023 (176 tháng);

d. Quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 05/12/2058 với diện tích 4.318 m<sup>2</sup> tại thửa đất số 390 thuộc tờ khai bản đồ số 28 và Quyền sử dụng đất có thời hạn đến ngày 31/10/2049 với diện tích 401 m<sup>2</sup> thuộc tờ khai bản đồ số 30 đặt tại xã Đức Hòa Đông, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BH837854 và BH837855 ngày 27/6/2012;

- Bên cho thuê: Công ty Liên Doanh Khai thác Hạnh Phúc theo hợp đồng thuê lại quyền sử dụng đất số 15-11/HĐTLĐ ngày 07/11/2008;

- Tiền thuê đã trả đến 30/9/2012 là **4.212.185.980 đồng (E)**;

**Tổng (A) + (B) + (C) + (D) + (E) = 11.078.642.480 đồng.**

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/9/2012	01/10/2011
Chi phí gia công 02 bồn trộn thuốc	-	104,611,700
Khoản đặt cọc nhận chuyển nhượng Quyền sử dụng đất (*)	410,909,090	410,909,090
Hệ thống xử lý nước thải	100,017,030	-
Thi công bồn trộn thuốc	22,451,000	-
<b>Cộng</b>	<b>533,377,120</b>	<b>515,520,790</b>

(\*) Theo hợp đồng đặt cọc số 475/HĐĐC/HĐ 87 BTĐ-2006 ngày 22/8/2006 và Hợp đồng đặt cọc số 498/HĐĐC/HĐ 87 BTĐ-2006 ngày 27/11/2006 về việc chuyển nhượng Quyền sử dụng đất ở - nhà ở tại Tiểu khu 2 - Khu dân cư Bình Trị Đông giữa Công ty với Công ty TNHH Ngân Sơn, công ty sẽ đặt cọc 100% giá trị Quyền sử dụng đất cho Công ty TNHH Ngân Sơn (giá trị trên là 100% giá trị của 02 nền đất mã số A-05 và A.06). Khi Công ty TNHH Ngân Sơn có bản vẽ thiết kế (theo quy hoạch) và dự toán nhà chi tiết của việc xây dựng cơ sở hạ tầng trên 02 nền đất này thì hai bên sẽ thống nhất thỏa thuận giá trị xây dựng nhà ở. Phương thức thanh toán giá trị xây dựng nhà ở sẽ được thực thi trên cơ sở của 2 Hợp đồng này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		30/9/2012	01/10/2011
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	(9.1)	24,500,000,000	21,669,230,842
Đầu tư dài hạn khác		14,435,639,000	13,302,400,000
<b>Cộng</b>		<b>38,935,639,000</b>	<b>34,971,630,842</b>
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(9.3)	(8,367,236,333)	(8,367,236,333)
<b>Giá trị thuần các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>30,568,402,667</b>	<b>26,604,394,509</b>

### (9.1) Bao gồm:

Đầu tư vào Công ty Cổ phần Bốn Đúng	(a)	12,000,000,000
Đầu tư vào Công ty Cổ phần Huỳnh Mai	(b)	12,500,000,000
<b>Cộng</b>		<b>24,500,000,000</b>

(a): Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Bốn Đúng (có vốn điều lệ là 30 tỷ đồng) với tỷ lệ sở hữu là 40% vốn điều lệ. Vốn góp thực tế đến 30/9/2012 của Công ty là 12 tỷ đồng. Trong năm tài chính này, Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản cổ tức hay lợi nhuận được chia này từ khoản đầu tư này.

(b): Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Huỳnh Mai (vốn điều lệ là 50 tỷ đồng) với tỷ lệ sở hữu là 20% vốn điều lệ tương đương 10 tỷ đồng. Trong năm 2011, Công ty đã mua thêm 25.000 cổ phần (mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần) từ Ông Nguyễn Đức Sáng (cổ đông góp vốn của Công ty Cổ phần Huỳnh Mai). Vốn góp thực tế đến 30/9/2012 của Công ty là 12,5 tỷ đồng. Trong năm tài chính này, Công ty chưa nhận được bất kỳ khoản cổ tức hay lợi nhuận được chia này từ khoản đầu tư này.

### (9.2) Chi tiết khoản đầu tư dài hạn và trích lập dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn:

Mã cổ phiếu	Số cổ phần	Giá trị đầu tư	Trích lập dự phòng	Giá trị thuần
VAB	643,717	13,302,400,000	(8,367,236,333)	4,935,163,667
BID	61,094	1,133,239,000	-	1,133,239,000
<b>Cộng</b>	<b>704,811</b>	<b>14,435,639,000</b>	<b>(8,367,236,333)</b>	<b>6,068,402,667</b>

Giá trị tham chiếu tại ngày 30/9/2012 chưa được xác nhận bởi các Công ty chứng khoán nên Công ty tạm ghi nhận theo giá tham khảo của năm trước (30/9/2011). Công ty sẽ điều chỉnh khi nhận được phản hồi từ các Công ty chứng khoán.

10. Chi phí trả trước dài hạn		30/9/2012	01/10/2011
Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn chờ phân bổ		163,826,462	54,896,318
Chi phí thuê đất trả trước chờ phân bổ	(*)	-	3,568,042,557
<b>Cộng</b>		<b>163,826,462</b>	<b>3,622,938,875</b>

(\*): Số dư đã được phân loại sang TSCĐ vô hình do đã đạt được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất trong năm 2012.

11. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước		30/9/2012	01/10/2011
Phải trả người bán		7,299,271,781	5,602,039,509
Người mua trả tiền trước		1,027,297,572	389,627,743
<b>Cộng</b>		<b>8,326,569,353</b>	<b>5,991,667,252</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	30/9/2012	01/10/2011
Thuế GTGT đầu ra phải nộp	348,621,233	352,627,855
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	80,812,640	510,730,199
Thuế xuất, nhập khẩu	-	720,622,419
Thuế TNDN phải nộp	3,399,137,314	2,721,314,448
Thuế TNCN phải nộp	4,308,005	-
<b>Cộng</b>	<b>3,832,879,192</b>	<b>4,305,294,921</b>

13. Chi phí phải trả	30/9/2012	01/10/2011
Chi phí hoa hồng bán hàng tạm tính theo chương trình bán hàng và hậu mãi từ ngày 01/10/2011 đến ngày 30/9/2015	13,728,616,739	-
<b>Cộng</b>	<b>13,728,616,739</b>	<b>-</b>

Khoản chi phí này được trích trước theo doanh số bán hàng dùng để chi cho các cửa hàng, khách hàng... bán sản phẩm của Công ty. Khoản chi phí này sẽ được chi khi hết hạn chương trình hậu mãi dài hạn (từ ngày 01/10/2011 đến 30/9/2015). Theo đó, các đại lý bán hàng cấp 1 là 3% doanh số, đại lý cấp 2 là 2% trên doanh số và "thành viên tam niên" là 1,5% doanh số bán hàng.

14. Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu				
Chỉ tiêu	01/10/2011	Tăng	Giảm	30/9/2012
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100,000,000,000	-	-	100,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	6,000,000,000	-	-	6,000,000,000
Chênh lệch tỷ giá	86,543,352	-	(86,543,352)	-
Cổ phiếu quỹ (*)	(1,002,500,000)	(830,000,000)	-	(1,832,500,000)
Quỹ đầu tư phát triển	47,587,578,864	13,730,785,235	554,625,000	60,763,739,099
Quỹ dự phòng tài chính	21,441,283,248	-	-	21,441,283,248
Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	19,597,224,633	457,692,841	108,000,000	19,946,917,474
Lợi nhuận chưa phân phối	24,511,910,187	45,769,284,117	57,015,002,079	13,266,192,225
<b>Cộng</b>	<b>218,222,040,284</b>	<b>59,127,762,193</b>	<b>57,591,083,727</b>	<b>219,585,632,046</b>

### Lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận lũy kế đến 01/10/2011	24,511,910,187
Lợi nhuận sau thuế phát sinh cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012	45,769,284,117
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (năm 2011)	(405,599,003)
Trích lập quỹ đầu tư phát triển	(13,730,785,235)
Trích lập quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(457,692,841)
Chia cổ tức năm 2011	(17,819,550,000)
Tạm chia cổ tức năm 2012	(24,601,375,000)
<b>Lợi nhuận lũy kế đến 30/9/2012</b>	<b>13,266,192,225</b>

(\*) Tính đến ngày 30/9/2012, Công ty đã mua lại 168.250 cổ phần với giá mua trung bình là 10.892 đồng/cổ phần làm cổ phiếu quỹ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

<b>a. Cổ phiếu</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Kỳ trước</b>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	10,000,000	10,000,000
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn	<b>10,000,000</b>	<b>10,000,000</b>
- Cổ phiếu thường	10,000,000	10,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu mua lại	<b>(168,250)</b>	<b>(100,250)</b>
- Cổ phiếu thường	(168,250)	(100,250)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	<b>9,831,750</b>	<b>9,899,750</b>
- Cổ phiếu thường	9,831,750	9,899,750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 10.000 đồng/cổ phần. Mệnh giá thực tế đang lưu hành là 10.000 đồng/cổ phần.

<b>b. Chi tiết thành viên góp vốn</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Kỳ trước</b>
Ông Phạm Văn Nùng	16.05%	16,050,100,000	16,050,100,000
Ông Lê Văn Sửu	6.52%	6,517,500,000	6,517,500,000
Ông Phạm Bạch Vân	6.11%	6,105,000,000	6,105,000,000
Và các cổ đông cá nhân khác	71.33%	71,327,400,000	71,327,400,000
<b>Cộng</b>	<b>100.00%</b>	<b>100,000,000,000</b>	<b>100,000,000,000</b>

**VI. Thông tin bổ sung Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>Từ ngày 01/10/2011 đến 30/9/2012</b>
<b>14. Doanh thu</b>	
Doanh thu bán thành phẩm	254,980,387,666
Doanh thu bán hàng hóa	83,366,784,997
Chiết khấu thương mại	(318,840,927)
Hàng bán bị trả lại	(312,413,426)
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>337,715,918,310</b>
	<b>Từ ngày 01/10/2011 đến 30/9/2012</b>
<b>15. Giá vốn hàng bán</b>	
Giá vốn thành phẩm	171,996,755,322
Giá vốn hàng hóa	75,577,436,649
<b>Cộng</b>	<b>247,574,191,971</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	<b>Từ ngày 01/10/2011 đến 30/9/2012</b>
<b>16. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	
Lãi tiền gửi ngân hàng	89,934,476
Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia	386,230,200
Lãi cho vay	56,666,667
Lãi chênh lệch tỷ giá	65,622,760
Doanh thu tài chính khác	5,380,546
<b>Cộng</b>	<b>603,834,649</b>
	<b>Từ ngày 01/10/2011 đến 30/9/2012</b>
<b>17. Chi phí hoạt động tài chính</b>	
Chi phí lãi vay	2,606,584,084
Lỗ chênh lệch tỷ giá	971,375,952
<b>Cộng</b>	<b>3,577,960,036</b>
	<b>Từ ngày 01/10/2011 đến 30/9/2012</b>
<b>18. Chi phí bán hàng</b>	
Chi phí nhân viên	1,526,367,262
Chi phí dụng cụ văn phòng	34,005,600
Chi phí khuyến mãi	17,811,118,622
Chi phí khấu hao TSCĐ	345,391,103
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8,881,914,844
Chi phí khác	2,869,528,922
<b>Cộng</b>	<b>31,468,326,353</b>
	<b>Từ ngày 01/10/2011 đến 30/9/2012</b>
<b>19. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	
Chi phí nhân viên quản lý	5,454,225,645
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	13,011,455
Chi phí khấu hao TSCĐ	318,771,825
Thuế, phí và lệ phí	60,032,586
Chi phí dự phòng	296,601,225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	615,877,977
Chi phí khác	37,980,294
<b>Cộng</b>	<b>6,796,501,007</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012

(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	Từ ngày 01/10/2011 đến 30/9/2012
<b>20. Thu nhập khác</b>	
Thu nhập do thanh lý tài sản và công cụ dụng cụ	42,472,727
Thu nhập từ việc hoàn nhập giá trị Quyền sử dụng đất đã phân bổ thừa khi kết chuyển sang tài sản cố định vô hình (do đã nhận được Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất)	374,925,327
Thu nhập khác	652,679
<b>Cộng</b>	<b>418,050,733</b>
<b>22. Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>Từ ngày 01/10/2011 đến 30/9/2012</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>49,319,939,172</b>
Cộng các khoản chi phí không được trừ	17,124,160,927
Trừ cổ tức, lợi nhuận được chia	(386,230,200)
Trừ thu nhập khác	(418,050,733)
<b>Lợi nhuận tính thuế TNDN</b>	<b>65,639,819,166</b>
- Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất	63,845,209,432
- Lợi nhuận từ hoạt động thương mại	1,794,609,734
<b>Thuế TNDN phải nộp</b>	<b>10,040,216,045</b>
- Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động sản xuất (15%)	9,576,781,415
- Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động thương mại (20%)	358,921,947
- Thuế TNDN phải nộp từ thu nhập khác	104,512,683
<b>Trừ thuế TNDN được miễn, giảm theo Nghị định số 164/2003/NĐ-CP</b>	<b>4,967,851,681</b>
- Thuế TNDN được giảm từ hoạt động sản xuất (50%)	4,788,390,707
- Thuế TNDN được giảm từ hoạt động thương mại (50%)	179,460,973
<b>Thuế TNDN tạm tính sau khi giảm trừ theo Nghị định 164/2003/NĐ-CP</b>	<b>5,072,364,364</b>
Trừ thuế TNDN được giảm theo Nghị Định số 60/2012/NĐ-CP (30%)	1,521,709,309
<b>Thuế TNDN tạm tính phải nộp cho năm tài chính này</b>	<b>3,550,655,055</b>
Thuế TNDN tạm tính phải nộp cho hoạt động sản xuất	3,351,873,495
Thuế TNDN tạm tính phải nộp cho hoạt động thương mại	125,622,681
Thuế TNDN phải nộp từ thu nhập khác	73,158,878
<b>23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>Từ ngày 01/10/2011 đến 30/9/2012</b>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	45,769,284,117
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	45,769,284,117
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	<b>9,852,948</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4,645</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐỒNG XANH**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 30/9/2012*

*(Đơn vị tính bằng VND, ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**VII. Thông tin khác**

**1. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Công ty không có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán đòi hỏi phải thực hiện những điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**2. Nghiệp vụ các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan chủ yếu như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối liên kết</b>	<b>Nghiệp vụ</b>	<b>Số tiền</b>
Công ty Cổ phần Bốn Đúng	Công ty liên kết	Góp vốn	(2,830,769,158)
		Bán hàng	3,568,846,882

Cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan chủ yếu như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối liên kết</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Phải thu / (phải trả)</b>
Công ty Cổ phần Bốn Đúng	Công ty liên kết	Người mua trả trước	(290,617,774)

\_\_\_\_\_  
Người lập biểu

\_\_\_\_\_  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
Tổng Giám đốc

Ngày 15 tháng 12 năm 2012